

Bản án số: 14/2019/HNGĐ- ST
Ngày 24 - 10 - 2019
V/v Ly hôn giữa chị N và anh
Tr.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ YÊN, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Tân Việt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đinh Thị Lưu
2. Bà Đinh Thị Hoan

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hương – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hân-Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 10 năm 2019 tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 146/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, Nội con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 15/2019/QĐXX-ST ngày 09 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Sòng Thị N, sinh năm 1996; nơi cư trú: Bản G, xã M, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Hạng A Tr, sinh năm 1996; nơi cư trú: Bản G, xã M, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La (có mặt).

- *Người phiên dịch:* ông Cầm Đình Cốc; nơi cư trú: khối 12, thị trấn Phù Yên, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La “có mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 6 năm 2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Sòng Thị N trình bày: Chị N và anh Tr xác lập quan hệ vợ chồng từ năm 2015, trên cơ sở tự nguyện. Được Ủy ban nhân dân xã Mường Thái, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 19 ngày 26/7/2017. Trong thời gian chung sống, vợ chồng không được hạnh phúc, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa hai vợ chồng do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không tôn trọng nhau. Chị N thấy rằng, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng là trầm trọng, không thể giải hoà, tình cảm vợ chồng không còn, nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Tr. Về con chung, chị N và anh Tr sinh được một người con chung là cháu Hạng A L, sinh ngày 09/3/2015. Chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không

yêu cầu anh Tr cấp dưỡng Nôi con chung. Về tài sản chung, tài sản riêng chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết, vợ chồng không có nợ chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn là anh Hạng A Tr trình bày ý kiến thống nhất với lời khai của chị N về quan hệ hôn nhân cũng như về thời điểm phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Tuy nhiên, anh Tr cho rằng vợ chồng chỉ có mâu thuẫn nhỏ, không trầm trọng. Anh Tr không đồng ý ly hôn do vẫn còn tình cảm với chị N. Về con chung anh Tr không nhất trí với yêu cầu Nôi con của chị N. Về tài sản chung, tài sản riêng và nợ chung, anh Tr xác nhận lời trình bày của chị N là đúng và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến tại phiên tòa. Về tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng. Về nội dung, đề nghị áp dụng các Điều 17, 18, 19, 21, 81, 82, 83, khoản 1 Điều 56 và Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị Sông Thị N được ly hôn anh Hạng A Tr. Về con chung, giao cho chị N trực tiếp Nôi dưỡng con chung là cháu Hạng A L. Về cấp dưỡng Nôi con chung, chia tài sản chung, tài sản riêng đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về án phí, chị N phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Sông Thị N và anh Hạng A Tr là vợ chồng hợp pháp. Nguyên đơn là chị Sông Thị N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chồng là anh Hạng A Tr. Do vậy, quan hệ pháp luật phát sinh tranh chấp được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 51 của Luật hôn nhân và gia đình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phù Yên. Sau khi tiến hành hòa giải giữa các đương sự không thành, nên Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử công khai theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2019/QĐXX – ST ngày 09 tháng 10 năm 2019.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân, chị Sông Thị N và anh Hạng A Tr xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, lừa dối, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quan hệ hôn nhân giữa chị Sông Thị N và anh Hạng A Tr được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2017 (ngày đăng ký kết hôn). Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Thời gian phát sinh mâu thuẫn vợ chồng đã lâu nhưng cả anh Tr và chị N đều không có giải pháp phù hợp để hàn gắn mâu thuẫn giữa hai vợ chồng. Anh Tr và chị N đã sống ly thân từ đầu năm 2019 cho đến nay. Vợ chồng không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, tình cảm vợ chồng không còn. Tình trạng hôn nhân là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 19, Điều 21, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N.

Về con chung, chị Sông Thị N và anh Hạng A Tr có một người con chung là cháu Hạng A L, sinh ngày 09/3/2015. Xét điều kiện, hoàn cảnh của chị N và anh Tr thấy rằng việc giao con chung cho chị N Nôi dưỡng sẽ đảm bảo về mọi mặt cho cháu Hạng A L. Do đó, cần giao cháu Hạng A L cho chị N trực tiếp Nôi dưỡng.

Về tài sản chung, tài sản riêng, cấp dưỡng Nôi con chung chị N và anh Tr không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 17, 18, 19, 21, khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Sông Thị N và anh Hạng A Tr.

2. Về con chung: Giao cho chị Sông Thị N trực tiếp Nôi dưỡng con chung là cháu Hạng A L, sinh ngày 09/3/2015 cho đến khi cháu Hạng A L thành niên, đủ 18 tuổi. Chị Sông Thị N không yêu cầu anh Hạng A Tr cấp dưỡng Nôi con chung.

Sau khi ly hôn, chị Sông Thị N và anh Hạng A Tr vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, Nôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp Nôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Sông Thị N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp theo biên lai thu số: 2937 ngày 17 tháng 6 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Chị Sông Thị N đã nộp đủ án phí.

Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 24/10/2019), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát;
- Tòa án tỉnh;
- Chi cục THA dân sự;
- UBND xã Mường Thái;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Tân Việt

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

